

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VẬN DỤNG TƯ DUY PHÁT TRIỂN (GROWTH MINDSET) CỦA CAROL DWECK TRONG DẠY HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC

Võ Huỳnh Đông Vũ
Đại học Văn Hiến

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và yêu cầu ngày càng cao về năng lực tiếng Anh, tư duy học tập của sinh viên được xem là một yếu tố then chốt ảnh hưởng đến hiệu quả học ngoại ngữ. Lý thuyết Tư duy phát triển của Carol Dweck cho rằng năng lực có thể được cải thiện thông qua nỗ lực, chiến lược phù hợp và sự hỗ trợ, trái ngược với Tư duy cố định vốn xem khả năng là bất biến. Bài viết này phân tích các cơ sở lý luận của việc vận dụng Growth Mindset trong dạy học tiếng Anh ở bậc đại học, bao gồm đặc điểm tâm lý người học, vai trò của tư duy phát triển trong duy trì động lực, xử lý lỗi sai và phát triển năng lực tự học. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các định hướng vận dụng trong tổ chức dạy học, hỗ trợ tự học và đổi mới kiểm tra đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh theo định hướng phát triển năng lực.

Từ khóa: Tư duy phát triển; Growth Mindset; tư duy cố định; Fixed Mindset; dạy học tiếng Anh; sinh viên đại học; Carol Dweck; phát triển năng lực người học.

SOME THEORETICAL ISSUES ON APPLYING CAROL DWECK'S GROWTH MINDSET IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING FOR UNIVERSITY STUDENTS

Abstract: In the context of higher education reform and the increasing demand for English proficiency, learners' mindsets have been recognized as a key factor influencing language learning outcomes. Growth Mindset proposed by Carol Dweck suggests that abilities can be developed through effort, appropriate strategies, and social support, in contrast to a Fixed Mindset, which views intelligence as static. This paper examines the theoretical foundations for applying Growth Mindset in English language teaching at the tertiary level, including learners' psychological characteristics and the role of growth-oriented beliefs in sustaining motivation, dealing with errors, and fostering autonomous learning. Based on this analysis, the paper proposes practical orientations for instructional design, learner support, and assessment reform, contributing to the enhancement of English teaching quality in alignment with competence-based education.

Keywords: growth mindset; fixed mindset; English language teaching; university students; Carol Dweck; learner competency development.

Nhận bài: 06/03/2026

Phản biện: 26/03/2026

Duyệt đăng: 30/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Anh ngày càng khẳng định vai trò là ngôn ngữ quốc tế quan trọng bậc nhất trong giao tiếp học thuật, khoa học và nghề nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức, năng lực tiếng Anh trở thành một trong những điều kiện cốt lõi để sinh viên Việt Nam tiếp cận cơ hội giáo dục và việc làm trong và ngoài nước. Tuy nhiên, thực tiễn dạy và học tiếng Anh ở bậc đại học Việt Nam vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, đặc biệt ở khía cạnh tâm lý và thái độ học tập của người học.

Nhiều sinh viên đại học vẫn mang tư duy cố định (Fixed Mindset) về năng lực ngôn ngữ, tin rằng việc học tiếng Anh giỏi hay kém phần lớn phụ thuộc vào tài năng bẩm sinh hoặc điều kiện tiếp xúc thuận lợi từ nhỏ. Với niềm tin này, khi gặp khó khăn trong học tập, nhiều sinh viên dễ nản lòng, né tránh cơ hội thực hành và dần mất đi động lực học tập bền vững. Hệ quả là dù đã học tiếng Anh nhiều năm trong hệ thống giáo dục chính quy, một bộ phận không nhỏ sinh viên vẫn thiếu tự tin trong giao tiếp và chưa hình thành được thói quen tự học hiệu quả.

Lý thuyết Tư duy phát triển (Growth Mindset) của nhà tâm lý học Carol Dweck đã mang lại một hướng tiếp cận mới mẻ, có giá trị lý luận và thực tiễn cao trong việc giải quyết vấn đề này. Lý thuyết này nhấn mạnh rằng niềm tin của người học về khả năng thay đổi của năng lực bản thân, chứ không phải năng lực thực tế ở thời điểm hiện tại, mới là yếu tố quyết định hành vi học tập lâu dài. Mặc dù Growth Mindset đã được ứng dụng rộng rãi trong giáo dục ở nhiều quốc gia, việc vận dụng có hệ thống lý thuyết này trong dạy học tiếng Anh ở đại học Việt Nam vẫn còn là mảng chưa được khai thác đầy đủ trong nghiên cứu khoa học lẫn thực tiễn sư phạm.

Trước thực trạng đó, bài viết tập trung phân tích lý thuyết và đề xuất định hướng vận dụng lý thuyết Tư duy phát triển của Carol Dweck trong đổi mới phương pháp dạy học tiếng Anh, nhằm nâng cao động lực, năng lực tự học và khả năng giao tiếp của sinh viên đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Lý thuyết Tư duy phát triển (Growth Mindset) của Carol Dweck

Tư duy phát triển (Growth Mindset) là khái niệm trung tâm trong hệ thống lý thuyết về tư duy ngầm ẩn (implicit theory of intelligence) do nhà tâm lý học Carol S. Dweck (Đại học Stanford) xây dựng và phát triển qua nhiều thập kỷ nghiên cứu thực nghiệm. Dweck (2006) lập luận rằng con người có xu hướng mang một trong hai kiểu tư duy nền tảng về bản chất của năng lực: Tư duy cố định (Fixed Mindset), tin rằng trí tuệ, tài năng và các phẩm chất cá nhân là những đặc điểm bẩm sinh, có giới hạn và không thể thay đổi đáng kể; và Tư duy phát triển (Growth Mindset), tin rằng những phẩm chất này có thể được nuôi dưỡng và phát triển thông qua nỗ lực bền bỉ, chiến lược học tập hiệu quả và sự hỗ trợ từ môi trường xung quanh. Sự khác biệt giữa hai kiểu tư duy này không đơn thuần là thái độ lạc quan hay bi quan, mà là một hệ thống niềm tin có cấu trúc, ảnh hưởng toàn diện đến cách một người đối mặt với thử thách, giải thích thất bại và đặt ra mục tiêu cho bản thân.

Người mang Tư duy cố định thường thể hiện các đặc điểm sau trong học tập: tránh né những thử thách vượt ra ngoài vùng an toàn; từ bỏ nhanh chóng khi gặp chướng ngại; xem nỗ lực nhiều là dấu hiệu của sự thiếu năng lực tự nhiên; cảm thấy bị đe dọa bởi thành công của người khác; và phản ứng tiêu cực hoặc phòng thủ trước những nhận xét phê bình. Ngược lại, người mang Tư duy phát triển đón nhận thử thách như cơ hội để học hỏi và lớn lên; kiên trì trước trở ngại và coi đó là một phần tất yếu của quá trình phát triển; xem nỗ lực là con đường dẫn đến thành thạo; lấy cảm hứng từ thành tích của người khác; và tiếp nhận phản hồi chỉ trích như nguồn thông tin có giá trị để cải thiện bản thân (Dweck, 2006).

Ý nghĩa sự phạm quan trọng trong lý thuyết của Dweck là tính khả biến của tư duy: kiểu tư duy mà một người đang mang không phải là bất biến hay tiền định. Thông qua giáo dục có chủ đích và các can thiệp sự phạm phù hợp, người học có thể dần chuyển dịch từ tư duy cố định sang tư duy phát triển. Blackwell, Trzesniewski và Dweck (2007) trong nghiên cứu theo dõi dọc và can thiệp thực nghiệm đã chứng minh rằng khi học sinh được dạy về tính mềm dẻo của não bộ (neuroplasticity), tức là não bộ có thể phát triển và thay đổi thông qua luyện tập, thành tích học tập của các em được cải thiện đáng kể, đặc biệt ở những em ban đầu có

kết quả thấp. Kết quả này mở ra cơ sở khoa học vững chắc cho việc triển khai các can thiệp tư duy học tập trong bối cảnh giáo dục đại học.

2.2. Đặc điểm học tập tiếng Anh của sinh viên đại học dưới góc nhìn tâm lý học

Sinh viên đại học là nhóm người học đã trải qua ít nhất mười hai năm tiếp xúc với tiếng Anh trong hệ thống giáo dục phổ thông, song quá trình đó không nhất thiết dẫn đến việc hình thành tư duy học tập tích cực. Ngược lại, môi trường giáo dục nặng về thi cử và kết quả điểm số trong nhiều năm có thể đã củng cố những niềm tin mang tính cố định về năng lực ngôn ngữ ở không ít sinh viên.

Horwitz, Horwitz và Cope (1986) đã xác định lo lắng ngôn ngữ (foreign language anxiety) là một trong những yếu tố tâm lý ảnh hưởng mạnh và tiêu cực nhất đến việc học ngoại ngữ. Lo lắng này biểu hiện qua ba khía cạnh chính: lo lắng khi giao tiếp (communication apprehension), sợ bị đánh giá tiêu cực (fear of negative evaluation) và lo lắng khi kiểm tra (test anxiety). Đáng chú ý, cả ba khía cạnh này đều có mối liên hệ chặt chẽ với Tư duy cố định: khi sinh viên tin rằng năng lực tiếng Anh của mình là cố định và có giới hạn, bất kỳ tình huống nào có nguy cơ phơi bày giới hạn đó đều trở thành nguồn gây lo lắng.

Mercer và Ryan (2010) trong nghiên cứu định tính về niềm tin của người học EFL (English as a Foreign Language) đã chỉ ra rằng một tỷ lệ đáng kể người học tin vào vai trò quyết định của năng khiếu ngôn ngữ tự nhiên đối với sự thành công trong học tiếng Anh. Khi không thấy tiến bộ nhanh chóng hoặc khi so sánh bản thân với những người học khác có vẻ tiến bộ dễ dàng hơn, những sinh viên này có xu hướng quy kết thất bại cho sự thiếu hụt năng khiếu bẩm sinh, thay vì nhìn nhận đó là vấn đề của chiến lược học tập hoặc mức độ nỗ lực. Sự quy kết này, về bản chất, là biểu hiện điển hình và có hại nhất của Tư duy cố định trong bối cảnh học ngoại ngữ.

Ngoài ra, ở bậc đại học, sinh viên còn đối mặt với áp lực kép: vừa phải đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo yêu cầu của chương trình đào tạo, vừa phải cạnh tranh trong thị trường lao động đòi hỏi năng lực giao tiếp quốc tế ngày càng cao. Áp lực này, nếu không được xử lý thông qua định hướng tư duy phù hợp, có thể làm trầm trọng thêm lo lắng ngôn ngữ và củng cố thêm Tư duy cố định. Ngược lại, khi sinh viên được trang bị nền tảng Growth Mindset vững chắc, chính áp lực đó có thể trở thành động lực thúc đẩy họ học tập chủ động và kiên trì hơn.

2.3. Vai trò của Tư duy phát triển trong dạy học tiếng Anh

Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (second language acquisition, SLA) là một quá trình phức tạp, lâu dài và phi tuyến tính. Người học tất yếu phải trải qua những giai đoạn trì trệ (plateau), liên tục mắc lỗi và đối mặt với khoảng cách giữa những gì họ muốn diễn đạt và những gì họ thực sự có thể nói hay viết bằng tiếng Anh. Đặc điểm này khiến cho học ngoại ngữ trở thành một trong những lĩnh vực mà Tư duy phát triển có vai trò đặc biệt quan trọng và tác động trực tiếp đến hiệu quả học tập.

Thứ nhất, Growth Mindset là nền tảng cho động lực học tập bền vững. Deci và Ryan (2000) trong Lý thuyết Tự quyết định (Self-Determination Theory) phân biệt giữa động lực bên ngoài (extrinsic motivation), học để đạt điểm cao hay để được khen, và động lực bên trong (intrinsic motivation), học vì bản thân thấy có ý nghĩa và có giá trị. Động lực bên trong được chứng minh là tạo ra sự gắn kết học tập bền vững hơn nhiều, và Growth Mindset chính là một trong những điều kiện tâm lý quan trọng nhất để nuôi dưỡng loại động lực này: khi người học tin rằng nỗ lực của mình sẽ dẫn đến sự tiến bộ thực sự, họ sẽ tìm thấy ý nghĩa trong từng bước học nhỏ, thay vì chỉ tập trung vào kết quả thi cử cuối cùng.

Thứ hai, Tư duy phát triển tác động tích cực và sâu sắc đến cách người học xử lý lỗi sai trong tiếng Anh. Krashen (1982) trong lý thuyết về bộ lọc cảm xúc (affective filter hypothesis) đã nhấn mạnh rằng người học tiếng Anh tiến bộ nhanh nhất khi được học trong môi trường có mức lo lắng thấp, sự tự tin cao và động lực tích cực. Môi trường nuôi dưỡng Growth Mindset, nơi lỗi sai được đón nhận không phải như bằng chứng của sự thất bại mà như thông tin có giá trị về những điểm cần phát triển, chính là môi trường giúp hạ thấp bộ lọc cảm xúc và mở rộng khả năng tiếp thu ngôn ngữ. Khi sinh viên không còn sợ mắc lỗi, họ sẵn sàng thử nghiệm ngôn ngữ nhiều hơn, giao tiếp thường xuyên hơn và qua đó tiến bộ nhanh hơn.

Thứ ba, Growth Mindset hỗ trợ trực tiếp sự phát triển năng lực tự học (learner autonomy), một mục tiêu cốt lõi và không thể thiếu trong giáo dục đại học. Holec (1981) định nghĩa tự học trong ngoại ngữ là khả năng người học tự chịu trách nhiệm với toàn bộ quá trình học tập của mình, bao gồm việc xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung và phương pháp, thực hiện kế hoạch và tự đánh giá kết quả. Để đạt được mức độ tự học như vậy,

người học cần có niềm tin vững chắc rằng những quyết định và nỗ lực của mình có khả năng tạo ra sự thay đổi thực sự, tức là cần có nền tảng Tư duy phát triển. Không có niềm tin này, dù có tất cả các chiến lược học tập và công cụ hỗ trợ trong tay, sinh viên vẫn khó có thể trở thành người học thực sự tự chủ.

2.4. Nội dung vận dụng Tư duy phát triển trong dạy học tiếng Anh ở bậc đại học

Căn cứ vào cơ sở lý luận đã trình bày, việc vận dụng Growth Mindset trong dạy học tiếng Anh cho sinh viên đại học có thể được triển khai một cách có hệ thống trên ba bình diện chính, bao gồm tổ chức hoạt động dạy học trên lớp, hỗ trợ tự học ngoài lớp và đổi mới kiểm tra đánh giá.

a. Vận dụng Tư duy phát triển trong tổ chức hoạt động dạy học trên lớp

Môi trường lớp học đóng vai trò nền tảng trong việc nuôi dưỡng hay vô tình kìm hãm Growth Mindset của sinh viên. Cách giảng viên phản hồi với sinh viên, ngôn ngữ họ sử dụng khi nhận xét và cấu trúc các hoạt động học tập đều gửi đi những thông điệp ngầm ẩn, nhưng rất mạnh mẽ, về bản chất của năng lực ngôn ngữ.

Trước hết, một trong những thay đổi sự phạm quan trọng nhất theo định hướng Growth Mindset là chuyển từ phản hồi theo kết quả (outcome feedback) sang phản hồi theo quá trình (process feedback). Dweck (2006) chỉ ra rằng khi giảng viên khen ngợi sinh viên vì họ thông minh hay có năng khiếu, họ vô tình củng cố Tư duy cố định: sinh viên sẽ lo sợ rằng nếu gặp khó khăn hoặc mắc lỗi, điều đó sẽ chứng minh họ thực ra không có năng khiếu. Thay vào đó, giảng viên cần ghi nhận và khen ngợi nỗ lực, chiến lược, sự kiên trì và sự tiến bộ của sinh viên, qua đó củng cố niềm tin rằng kết quả học tiếng Anh là sản phẩm của quá trình cố gắng có định hướng, chứ không phải của tài năng bẩm sinh.

Bên cạnh đó, giảng viên cần chủ động xây dựng văn hóa lớp học an toàn về mặt cảm xúc (emotionally safe classroom), nơi sinh viên cảm thấy tự do để thử nghiệm ngôn ngữ, đặt câu hỏi và thừa nhận những điểm mình chưa hiểu mà không sợ bị chế giễu hay đánh giá tiêu cực. Các hoạt động như phân tích lỗi sai tập thể theo hướng không quy lỗi cá nhân, thảo luận nhóm về chiến lược vượt qua khó khăn trong học tiếng Anh, hay đóng vai trong các tình huống giao tiếp thực tế, khi được tổ chức trong không khí chấp nhận và hỗ trợ, sẽ giúp sinh viên dần dần xây dựng được thái độ học tập tích cực, chủ động thay vì né tránh.

b. Vận dụng Tư duy phát triển trong hỗ trợ tự học và phát triển năng lực tự chủ

Năng lực tự điều chỉnh học tập (self-regulated learning) là một trong những biểu hiện rõ nét nhất của Growth Mindset ở người học trưởng thành. Zimmerman (2000) mô tả chu trình tự điều chỉnh học tập gồm ba giai đoạn: lập kế hoạch (forethought), thực hiện và tự quan sát (performance/volitional control), và phản tư và tự phản ứng (self-reflection/self-reaction). Người học với Growth Mindset tham gia vào chu trình này một cách chủ động và liên tục, không ngại điều chỉnh kế hoạch hay thay đổi chiến lược khi cần thiết.

Để định hướng sinh viên phát triển năng lực này trong học tiếng Anh, giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cá nhân hóa với các mục tiêu phát triển (mastery goals) thay vì chỉ mục tiêu thành tích (performance goals). Ví dụ, thay vì mục tiêu đạt điểm kỳ thi quốc tế IELTS, sinh viên đặt mục tiêu phát triển kỹ năng, tập trung vào các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ như có thể trình bày ý kiến tự tin trong một buổi học thông qua thuyết trình hoặc thể hiện được tư duy của mình thuyết phục nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, việc sử dụng nhật ký học tập (learning journal) để ghi lại quá trình tiến bộ, những khó khăn gặp phải và cách vượt qua chúng sẽ giúp sinh viên nhìn thấy rõ hành trình phát triển ngôn ngữ của bản thân theo thời gian, qua đó củng cố niềm tin vào khả năng cải thiện. Ngoài ra, việc chia sẻ kiến thức về cơ chế học ngôn ngữ của não bộ và giới thiệu các tấm gương học tiếng Anh thành công dù xuất phát điểm thấp cũng là những can thiệp có giá trị trong việc hình thành tư duy phát triển cho sinh viên.

c. Vận dụng Tư duy phát triển trong kiểm tra, đánh giá tiếng Anh

Hệ thống kiểm tra, đánh giá là một trong những yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến tư duy học tập của sinh viên, bởi nó truyền đi thông điệp rõ ràng nhất về điều mà nhà trường và giảng viên thực sự coi trọng: kết quả hay quá trình, điểm số hay sự phát triển. Một hệ thống đánh giá tập trung vào bài thi cuối kỳ với trọng số lớn không chỉ tạo ra áp lực tâm lý mà còn vô tình củng cố Tư duy cố định, vì nó khiến sinh viên tập trung tránh mắc lỗi hơn là học hỏi và phát triển.

Để vận dụng Growth Mindset, cần chuyển dịch sang hệ thống đánh giá coi trọng quá trình (formative assessment) song song với đánh giá

tổng kết (summative assessment). Các hình thức cụ thể có thể bao gồm: portfolio học tập ghi lại quá trình tiến bộ của sinh viên qua nhiều giai đoạn của học kỳ; chính sách cho phép làm lại bài kiểm tra (retake policy) kèm theo yêu cầu sinh viên viết phản tư về những gì họ đã học được từ lần thử trước; tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng (self and peer assessment) có hướng dẫn theo các tiêu chí rõ ràng, giúp sinh viên phát triển thói quen tư duy phân tích về quá trình học tập của bản thân. Đặc biệt, phản hồi của giảng viên trên bài làm cần được thiết kế theo hướng chỉ ra con đường phát triển cụ thể (feedforward), không chỉ đơn thuần là nhận xét về những gì đã đúng hay sai. Như vậy, đánh giá không chỉ là công cụ đo lường mà trở thành một phần không thể tách rời của quá trình dạy và học.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc vận dụng Tư duy phát triển trong dạy học tiếng Anh

Việc vận dụng Growth Mindset trong dạy học tiếng Anh ở bậc đại học không diễn ra trong chân không mà chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, đòi hỏi sự nhận diện thấu đáo để có thể triển khai hiệu quả.

Về phía giảng viên, tư duy của bản thân giảng viên về bản chất của năng lực ngôn ngữ là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ nhất. Một giảng viên mang Tư duy cố định, dù vô thức, có thể truyền đi những thông điệp tiêu cực thông qua nhiều kênh khác nhau: từ cách phân nhóm sinh viên theo năng lực cố định, đến việc sử dụng ngôn ngữ mang hàm ý rằng một số sinh viên bẩm sinh giỏi tiếng Anh hơn những sinh viên khác, hay đến cách phản hồi theo kiểu chỉ ghi nhận kết quả đúng/sai mà không đề cập đến nỗ lực và chiến lược. Do đó, bồi dưỡng nhận thức về Growth Mindset và thực hành sự phạm tương ứng cho đội ngũ giảng viên tiếng Anh là tiền đề quan trọng hàng đầu.

Về phía sinh viên, nền tảng tư duy học tập được hình thành từ nhiều năm trải nghiệm trong gia đình, môi trường phổ thông và bối cảnh văn hóa xã hội tạo ra quán tính nhận thức (cognitive inertia) khó thay đổi trong ngắn hạn. Không ít sinh viên đã từng trải qua những trải nghiệm học tập tiêu cực trong môi trường phổ thông, bị đánh giá là kém tiếng Anh, bị so sánh bất lợi với bạn bè hay bị phê phán khi mắc lỗi, và những trải nghiệm này để lại dấu ấn sâu trong tư duy học tập. Việc chuyển dịch tư duy vì thế là một quá trình đòi hỏi thời gian, sự kiên trì và các tác động sự phạm liên tục, nhất quán trong suốt quá trình đào tạo.

Về điều kiện tổ chức dạy học, một số đặc điểm của bối cảnh đại học Việt Nam hiện nay tạo ra những thách thức thực tiễn cho việc vận dụng Growth Mindset: quy mô lớp học thường lớn hạn chế khả năng cá nhân hóa phản hồi; áp lực hoàn thành chương trình theo tiến độ khiến giảng viên khó dành thời gian cho các hoạt động phản tư; và hệ thống kiểm tra đánh giá theo quy chế thường vẫn đặt nặng vào bài thi cuối kỳ. Những rào cản này đặt ra yêu cầu cần có sự đổi mới đồng bộ ở nhiều cấp độ, từ chính sách quản lý nhà trường đến thiết kế chương trình và phương pháp đánh giá, chứ không thể chỉ trông chờ vào nỗ lực đơn lẻ của từng giảng viên.

III. KẾT LUẬN

Lý thuyết Tư duy phát triển của Carol Dweck cung cấp một khung lý luận có giá trị và ứng dụng cao trong việc đổi mới phương pháp dạy học tiếng Anh ở bậc đại học. Những phân tích trên đây cho thấy việc nuôi dưỡng Growth Mindset không phải là một can thiệp tâm lý đơn lẻ mà là một định hướng sư phạm bao quát, cần được thể hiện nhất quán trong từng khâu của quá trình dạy học: từ

cách thiết kế hoạt động, ngôn ngữ phản hồi, định hướng tự học cho đến cấu trúc kiểm tra đánh giá. Khi người học được định hướng tin rằng năng lực tiếng Anh không phải là điểm đến cố định mà là hành trình phát triển không ngừng thông qua nỗ lực và chiến lược phù hợp, họ sẽ kiên trì hơn, chủ động hơn và sẵn sàng chấp nhận rủi ro giao tiếp nhiều hơn, những phẩm chất không thể thiếu của một người học ngoại ngữ thành công.

Bài viết đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cốt lõi về Growth Mindset và ứng dụng trong dạy học tiếng Anh, bao gồm: bản chất lý thuyết và sự đối lập với Fixed Mindset; đặc điểm tâm lý học tiếng Anh của sinh viên đại học; vai trò của tư duy phát triển đối với động lực, xử lý lỗi sai và tự học; các định hướng vận dụng trong tổ chức dạy học, hỗ trợ tự học và kiểm tra đánh giá; cùng các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình triển khai. Đây là cơ sở lý luận để tiếp tục nghiên cứu thực tiễn và đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm vận dụng Growth Mindset trong đổi mới phương pháp dạy học tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đại học ở các nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Blackwell, L. S., Trzesniewski, K. H., & Dweck, C. S. (2007). Implicit theories of intelligence predict achievement across an adolescent transition: A longitudinal study and an intervention. *Child Development*, 78(1), 246–263.
- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000). The what and why of goal pursuits: Human needs and the self-determination of behavior. *Psychological Inquiry*, 11(4), 227–268.
- Dweck, C. S. (2006). *Mindset: The new psychology of success*. Random House.
- Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Pergamon Press.
- Horwitz, E. K., Horwitz, M. B., & Cope, J. (1986). Foreign language classroom anxiety. *The Modern Language Journal*, 70(2), 125–132.
- Krashen, S. D. (1982). *Principles and practice in second language acquisition*. Pergamon Press.
- Mercer, S., & Ryan, S. (2010). A mindset for EFL: Learners' beliefs about the role of natural talent. *ELT Journal*, 64(4), 436–444.
- Yeager, D. S., & Dweck, C. S. (2012). Mindsets that promote resilience: When students believe that personal characteristics can be developed. *Educational Psychologist*, 47(4), 302–314.
- Zimmerman, B. J. (2000). Attaining self-regulation: A social cognitive perspective. In M. Boekaerts, P. R. Pintrich & M. Zeidner (Eds.), *Handbook of self-regulation* (pp. 13–39). Academic Press.